

Số: 202/2024/QĐST-HNGĐ

Quận N, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Mỹ H, sinh năm 1959

Thường trú: 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 3/23 Đường T1, Phường M, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: 59/57 Đường S, Phường M2, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 203 Đường X, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 07512, quyền số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2023 tại Văn phòng Công chứng L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H2, là Luật sư của Văn phòng Nguyễn Văn H3 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên hệ: 203 Đường X, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn H4, sinh năm 1957

Thường trú: 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ P, là Luật sư của Công ty Luật TNHH T và Cộng sự, địa chỉ liên hệ: 30/2B Đường N, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bà Hà Thị Mỹ H và ông Trần Văn H4 thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa được phân chia là:

- Nhà, đất tại địa chỉ số 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số

895/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/6/2007 cho bà Hà Thị Mỹ H và ông Trần Văn H4;

- Số tiền 70.000 (bảy mươi ngàn) Đô la Mỹ do ông Trần Văn H4 chuyển cho bà Hà Thị Mỹ H ngày 06/7/2022, tương đương 1.778.000.000 (Một tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu) Việt Nam đồng với tỷ giá quy đổi ngày 05/7/2024: 1 (Một) Đô la Mỹ tương đương 25.400 (Hai mươi lăm ngàn bốn trăm) Việt Nam đồng.

2.2 Bà Hà Thị Mỹ H và ông Trần Văn H4 thống nhất xác định trị giá nhà, đất tại địa chỉ số 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị: 42.207.710.000 (Bốn mươi hai tỷ hai trăm lẻ bảy triệu bảy trăm mười ngàn) đồng theo Chứng thư thẩm định giá ngày 22/5/2024 của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định S thẩm định.

2.3 Về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung: Ông Trần Văn H4 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hà Thị Mỹ H số tiền 11.111.000.000 (Mười một tỷ một trăm mười một triệu) đồng.

Thời gian giao tiền: Chậm nhất đến hết ngày 31/12/2024, ông Trần Văn H4 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hà Thị Mỹ H số tiền 11.111.000.000 (Mười một tỷ một trăm mười một triệu) đồng.

Ngay sau khi ông Trần Văn H4 giao đủ số tiền cho bà Hà Thị Mỹ H đúng thời hạn nêu trên, bà Hà Thị Mỹ H phải có trách nhiệm bàn giao toàn bộ giấy tờ có liên quan đến nhà, đất số 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Trần Văn H4 bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 895/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/6/2007 cho bà Hà Thị Mỹ H và ông Trần Văn H4 (bản chính); Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số 2444/TB-CCTQ.5 ngày 02/7/2007 (bản chính); Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 2444/TB-CCTQ.5 ngày 02/7/2007 (bản sao y); Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 045626 ngày 02/7/2007 (liên 3 giao cho người nộp tiền) (bản chính); Giấy phép xây dựng số 452/GPXD-UBND ngày 27/5/2008 (bản chính); Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng ngày 09/9/2009 (bản chính); Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số 3404/TB-CCTQ.5 ngày 25/11/2009 (bản chính); Ông Trần Văn H4 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cập nhật thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để đứng tên ông Trần Văn H4 theo quy định của pháp luật. Đồi bên tự thực hiện việc giao nhận tiền, bàn giao giấy tờ nhà, đất số 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp hết ngày 31/12/2024, ông Trần Văn H4 chưa hoàn trả cho bà Hà Thị Mỹ H hết toàn bộ số tiền 11.111.000.000 (Mười một tỷ một trăm mười một triệu) đồng thì Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà và đất tại địa chỉ số 275 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và chia đều giá trị căn nhà và đất cho bà Hà Thị Mỹ H và ông Trần Văn H4, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà và đất (sau khi đã trừ chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật).

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.4 Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Án phí hòa giải thành của vụ án chia tài sản chung là 59.555.500 (năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm) đồng.

Nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ H (sinh năm 1959) và bị đơn ông Trần Văn H4 (sinh năm 1957) là người cao tuổi (60 tuổi) và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hà Thị Mỹ H và ông Trần Văn H4 được miễn nộp toàn bộ án phí của vụ án.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 5.000.000 (năm triệu) đồng và chi phí thẩm định giá 108.000.000 (một trăm lẻ tám triệu) đồng, tổng cộng 113.000.000 (một trăm mười ba triệu) đồng, đôi bên tự thỏa thuận mỗi bên chịu 50% (năm mươi phần trăm) của số tiền này. Bà Hà Thị Mỹ H đã tạm ứng các chi phí này nên ông Trần Văn H4 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hà Thị Mỹ H số tiền 56.500.000 (năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn) đồng. Đôi bên tự thực hiện việc hoàn tiền hoặc thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Thi hành ngay sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận N;
- CCTHADS Quận N;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Huế